TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2025/DS-ST
Ngày: 29-8-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Ngọc Minh

Ông Đinh Ngọc Dình

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Quê - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 188/2025/TLST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2025/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Bích V, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số C Ấp F, xã H, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh).

Người đại diện theo ủy quyền của bà V: Bà Nguyễn Thùy P, sinh năm 1983. (có mặt)

Địa chỉ: Số C Ấp D, xã Q, huyện T, tỉnh Long An (nay là ấp Q, xã N, tỉnh Tây Ninh).

(Văn bản ủy quyền ngày 19/3/2025)

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn H, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số H ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh).

Người đại diện theo ủy quyền của ông H: Ông Huỳnh Ngọc L, sinh năm 1977. (có mặt)

Địa chỉ: Số A Đường E, Khu phố B, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh).

(Văn bản ủy quyền ngày 15/8/2025)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/4/2025, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Bích V do bà Nguyễn Thùy P là người đại diện theo ủy quyền trình bày và yêu cầu khởi kiện như sau:

Ngày 05/11/2024, bà Trần Thị Bích V có cho ông Lê Văn H vay số tiền 90.000.000 đồng trong thời gian 01 tháng, giao tiền bằng hình thức chuyển khoản từ tài khoản của bà V vào tài khoản của ông H, việc vay tiền không tính lãi. Bà V đã nhiều lần yêu cầu ông H trả số tiền trên nhưng ông H không thực hiện. Do đó, bà V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Bà Trần Thị Bích V yêu cầu ông Lê Văn H trả số tiền gốc còn nợ là 90.000.000 đồng, bà V không yêu cầu ông H trả tiền lãi.

Bị đơn ông Lê Văn H do ông Huỳnh Ngọc L là người đại diện theo ủy quyền trình bày tại phiên tòa như sau:

Ông Lê Văn H là chủ tài khoản số 050026118090 mở tại Ngân hàng TMCP S (S1) – Chi nhánh B.

Ngày 05/11/2024, bà Trần Thị Bích V có chuyển tiền vào tài khoản trên để cho ông H vay số tiền 90.000.000 đồng, thời hạn 01 tháng, không tính lãi. Ngày 01/7/2025, ông H đã chuyển tiền vào tài khoản của bà V để trả cho bà V số tiền 5.400.000 đồng nên ông H yêu cầu khấu trừ số tiền này vào tiền gốc 90.000.000 đồng. Ông H đồng ý trả cho bà V số tiền còn nợ là 84.600.000 đồng. Hiện nay, ông H đang gặp khó khăn về kinh tế, ông H đang làm bảo vệ tại Thành phố Hồ Chí Minh thu nhập không cao nên ông H đề nghị bà V cho ông H được trả dần mỗi tháng 2.500.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền còn nợ.

Tại phiên tòa,

Bà Nguyễn Thùy P trình bày: Bà V có nhận được số tiền 5.400.000 đồng do ông H chuyển khoản trả nợ nên bà đồng ý khấu trừ số tiền này vào tiền gốc 90.000.000 đồng. Do đó, bà V yêu cầu ông H trả số tiền gốc còn nợ là 84.600.000 đồng, bà V không yêu cầu ông H trả tiền lãi. Bà V không đồng ý với đề nghị của ông H về việc trả dần mỗi tháng 2.500.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền còn nợ.

Ông Huỳnh Ngọc L trình bày: Hiện nay, ông H đang làm bảo vệ tại Thành phố Hồ Chí Minh thu nhập mỗi tháng khoảng 7.500.000 đồng, sau khi trừ các chi phí thiết yếu cho cuộc sống thì ông H có thể trả cho bà V mỗi tháng 2.500.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền còn nợ.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Đây là loại kiện "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thuộc phạm vi điều chỉnh của Bộ luật dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Việc Tòa án tiến hành thụ lý là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; thủ tục thụ lý vụ án và thông báo về việc thụ lý vụ án đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tiến hành các biện pháp thu thập chứng cứ theo quy định tại Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng đúng theo Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự; về trình tự thủ tục đảm bảo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong việc thu thập chứng cứ, xác minh và công khai chứng cứ cũng như hòa giải.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án; những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền, nghĩa vụ và chấp hành nội quy phiên tòa do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Bà Trần Thị Bích V cung cấp sao kê tài khoản T thể hiện ngày 05/11/2024 đã chuyển khoản 90.000.000 đồng sang tài khoản S1 số 050026118090 đứng tên Lê Văn H.

Ngân hàng S1 – Chi nhánh B có Công văn số 766/2025/CV-CNBT ngày 17/7/2025, xác nhận thông tin số tài khoản 050026118090 chủ tài khoản Lê Văn H, sinh ngày 01/01/1975, địa chỉ: Số H ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An có nhận số tiền 90.000.000 đồng từ bà Trần Thị Bích V vào ngày 05/11/2024.

Tại phiên tòa, ông Lê Văn H thừa nhận có vay của bà V số tiền nêu trên, xác nhận đã trả được 5.400.000 đồng, còn nợ 84.600.000 đồng.

Theo điểm 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: "Các tình tiết, sự kiện mà một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối mà bên kia không yêu cầu phải chứng minh thì không phải chứng minh."

Do đó, việc ông H thừa nhận khoản vay 90.000.000 đồng và còn nợ 84.600.000 đồng được xem là tình tiết không phải chứng minh. Do đó, có đủ cơ sở pháp lý để xác định nghĩa vụ trả nợ của ông H là rõ ràng và cụ thể.

Theo khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015: "Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn,…". Ông H đã nhận tiền nhưng không trả theo thỏa thuận, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

Về đề nghị trả dần của bị đơn: Ông Hoàng X được trả dần mỗi tháng 2.500.000 đồng. Tuy nhiên, đề nghị này không được sự chấp thuận của nguyên đơn nên không có căn cứ để chấp nhận.

Về tiền lãi: Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên không xem xét giải quyết.

Từ những phân tích trên, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T1 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Bích V. Buộc ông Lê Văn H phải trả cho bà Trần Thị Bích V số tiền 84.600.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn bà Trần Thị Bích V khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Lê Văn H có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền gốc còn nợ. Do đó, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Đây là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Tây Ninh theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng:

Bà Trần Thị Bích V khởi kiện nên được xác định là nguyên đơn; ông Lê Văn H là người bị kiện nên được xác định là bị đơn. Việc ủy quyền của các đương sự hợp lệ nên được chấp nhận.

[3] Về chứng cứ:

Các bên có quyền yêu cầu và có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Tòa án xét xử theo quy định tại Điều 6 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[4] Về phạm vi xét xử:

Căn cứ Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Tòa án xét xử trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của đương sự. Luật áp dụng là Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Bích V, thấy rằng:

Bà Trần Thị Bích V và ông Lê Văn H thống nhất ngày 05/11/2024 bà V có chuyển tiền vào tài khoản số 050026118090 do ông H đứng tên chủ tài khoản mở tại Ngân hàng TMCP S (S1) – Chi nhánh B để cho ông H vay số tiền 90.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng (ngày đến hạn 05/12/2024), việc vay tiền không tính lãi. Do đó, hợp đồng vay tài sản giữa bà V và ông H là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi. Ngày 01/7/2025, ông H đã chuyển tiền vào tài khoản của bà V để trả cho bà V số tiền 5.400.000 đồng nên các đương sự thống nhất khấu trừ số tiền này vào tiền gốc 90.000.000 đồng. Các đương sự thống nhất hiện nay ông H còn nợ bà V số tiền 84.600.000 đồng. Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là các tình tiết không phải chứng minh.

Do ông H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên bà V khởi kiện yêu cầu ông H trả số tiền còn nợ 84.600.000 đồng là có căn cứ. Ông H đề nghị được trả dần mỗi tháng 2.500.000 đồng đến khi thanh toán hết số tiền còn nợ 84.600.000 đồng nhưng không được bà V chấp nhận nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

Bà V không yêu cầu ông H phải trả tiền lãi do chậm thanh toán là tự nguyện, có lợi cho bị đơn và không trái quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chấp nhận toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Văn H phải chịu án phí đối với số tiền phải trả cho bà Trần Thị Bích V.

Bà Trần Thị Bích V không phải chịu án phí. H1 lại cho bà Trần Thị Bích V tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, 39, Điều 147, Điều 266, Điều 267, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực;

Căn cứ các Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Bích V về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc ông Lê Văn H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thị Bích V toàn bộ số tiền còn nợ là 84.600.000 đồng (tám mươi bốn triệu sáu trăm nghìn đồng).

2. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các

khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Buộc ông Lê Văn H có nghĩa vụ chịu 4.230.000 đồng (bốn triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng).

3.2. Bà Trần Thị Bích V không phải chịu án phí. H1 lại cho bà Trần Thị Bích V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.250.000 đồng (hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0010888 ngày 09 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

4. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo:

Án xét xử công khai sơ thẩm, báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Về quyền yêu cầu thi hành án:

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Khu vực 5-Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy An